

TỬ A-HÀM-MỘ SAO GIẢI

THỨ HAI

(Đây là phần thứ hai của Đắc
phần thứ chín trong Pháp độ Công đức)

Hỏi: Pháp nào gọi là Phương tiện?

Đáp: Phương tiện là Giới, Tức (Ưu-bá-si) và Trí. Kinh nói, phương tiện nghĩa là đạo, nghĩa là giải thoát lấy làm đầu. Phương tiện là Ba-kiền-độ Giới. Tức (dứt) và Trí.

Hỏi: Tại sao lại nói kỹ về giới?

Đáp: Trước há không nói giới có hai: thế gian và xuất thế gian. Trước nói giới thế gian, đây là nói ý nghĩa về hành giới xuất thế gian.

Hỏi: Là pháp nào?

Đáp: Giới là hoạt động của thân, miệng và mạng. Kinh nói: “Đẳng khẩu, đẳng hành, đẳng mạng” đó là ba kiền độ về giới. Đẳng khẩu là hành của miệng xa lìa lối nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời không cần thiết và những lời khác. Đẳng hành là hành của thân xa lìa hành động sát-đạo-dâm, và nhiều việc khác. Đẳng mạng là hành Tỳ kheo khát thực, sống vừa đủ với những y phục, sàng tọa, thuốc men mà tự mình đã nhận, ngoài đây ra là tà mạng cả. Ưu-bà-tắc xa lìa năm việc: Buôn bán đao gậy, chất độc, rượu, thịt, chúng sinh, gọi là đẳng mạng (chánh mạng).

Hỏi: Thế nào là Tức (dứt trừ)?

Đáp: Phải tinh tấn niệm và định. Kinh nói: đầy đủ ba thứ này gọi là Diệt tức (chấm dứt). Như đối với dâm nộ si trước tiên là đình chỉ chúng, tiếp an trụ trong sự đình chỉ ấy, tức đầy ba thứ: Tinh tấn, niệm, định. Tinh tấn là sức siêng năng, nghĩa tinh tấn là vậy. Vì khả năng đi đến giải thoát. Nên gọi là tinh tấn.

Hỏi: Nó là những pháp nào?

Đáp: Là Tín, Hành và Bất xả. Kinh nói ba tinh tấn là tin, thường hành, không buông bỏ. Nó cung cấp hết thảy mọi hạnh thiện, cho nên tin. Là nghĩa thế nào? Vì được thực hành đầu tiên trong tất cả pháp

thiện, là đứng đầu trong tất cả pháp thiện. Như có kệ nói: “Người tin và hành”. Kệ này nói Tín cũng có ba.

Hỏi: Là pháp nào?

Đáp: Là tin tôn kính (Kính tín), tin hoan hỷ được hành và tin được giải thoát. Kinh nói: Tin, Kính, Hành thì được giải thoát. Kính có nghĩa là từ bỏ cặn đục. Người cặn đục, mắc lỗi lầm của giận dữ, lỗi lầm của không biết xấu hổ, như nước tù đọng của bò heo, giẫm đục suốt nước. Đục như vậy, nhưng biết trừ bỏ cặn đục như thì nước trong lại. Ý xấu loạn đục, nhưng biết lắng trừ thì nó trong lại. Đó gọi là Tín kính. Tin hoan hỷ được hành, ưa thích giải thoát là như khi thân mang bệnh, thì không ưa ăn, dù món ngon, hết bệnh, thì mới muốn ăn. Khi bám theo giận dữ, thì không ưa nghe pháp, khi được thiện tri thức chỉ bảo, liền ưa theo. Sau đó tự nghĩ thế này: Pháp này rất là hay đẹp. Thiện tri thức kia lại vì vói cho. Đó gọi là tin hoan hỷ thực hành, ưa thích giải thoát. Tin được giải thoát là tin khả năng trì giữ. Như người bị rắn cắn, nhớ công đức phân biệt Y thuật, lời chú, ý tập trung lắng nghe của họ, tin lời chúc như thế có thể trị lành. Tin được chưa khỏi mà tìm lấy thuốc có lợi tốt lành. Như thế, người bị rắn độc tham dâm căn, vì thương xót họ, Phật Thế Tôn nói pháp, vô hành. Người ấy tin pháp này có thể cứu chữa, không thuốc nào khác, thì tâm dâm liền chấm dứt. Đó gọi là tin được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là Hành?

Đáp: Hành là siêng năng, dấy khởi, thường niệm. Kinh nói siêng năng, dấy khởi, thường niệm là ba hành. Dấy khởi là làm thiện, như dùng cây lấy lửa, rồi gom phân bò cây khô mà nhóm lửa, và phải làm liên tục không nghỉ. Thường một lòng suy niệm như vậy, tâm ý tương ưng không nghĩ cái gì khác. Như lửa kia phụt cháy nơi tóc, mũi, thì chỉ còn cách lấy tay dập tắt mới thôi. Ba hạnh ấy là Hành.

Hỏi: Bất xả là pháp nào?

Đáp: Không buông bỏ là không lìa, không chán, không chuyển dời. Ba thứ này là Bất xả. Không lìa là không tính kể hết, tinh tấn làm mãi. Không chán là hành trì lâu dài, trong khi thực hành, không có ý mong chờ kết quả, nên không chán. Không đổi dời là không mong quả, dù được hay không được quả; nếu mong thì có lúc sẽ không thích làm, sẽ là tinh tấn gắng gượng! Cần phải buông bỏ ba trạng thái đó, cần phải nhắm tới kết quả theo đúng như đạo dạy.

Hỏi: Đã nói hành Tinh tấn, còn Niệm là pháp gì?

Đáp: Là nhớ nghĩ đến thân, thống (thọ), ý và pháp ở trong, ngoài

và cả hai không quên. Kinh nói: Trong ngoài và cả hai trong ngoài. Nói không quên là nói Ý niệm trải qua. Nghĩ đến trong là nghĩ thân mình đã thọ nhận ấm-xứ-giới. Ngoài là những thọ nhận của người khác, và thọ, không thọ cả hai. Hoặc ba kiết ở trong là chính, ở ngoài là chính, và trong ngoài là chính. Bên trong dâm là chính, bên ngoài giận là chính. Vì giận người khác chứ không tự giận. Hoặc có người cho rằng cảm giác dâm cũng do người khác làm, thì điều này không đúng nghĩa. Bởi bên trong nhiễm mới phát sinh cảm giác dâm với người khác, đó là do bên trong vốn đã chấp trước. Như Đức Thế Tôn nói: Thấy người nữ là do bên trong (lòng tham của mình) và nhãn căn. Chính là Kinh nói phế bỏ hai thứ. Tương ứng với ba kiết, trợ giúp diệt ba kiết ấy là niệm nghĩ đến thân có ba thứ (trong, ngoài và cả hai) như trên nói. Như vậy, nói tương tự thống, ý và pháp, gộp thành mười hai niệm.

Hỏi: Tam muội (Định) là pháp gì?

Đáp: Là định Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đó là ba Tam muội. Không là sở hữu rỗng không.

Hỏi: Có nhiều loại không như thành ấp không, nhà cửa không, đây nói không nào?

Đáp: “Không” là Ngã tác, sở hữu tác và cả hai đều không thể thấy. Kinh nói: Ngã tạo tác, sở hữu tạo tác, và cả hai đều không thể thấy, nên gọi là không.

Hỏi: Pháp nào là Ngã tác, sở hữu tác mà không thể thấy? Như Đức Thế Tôn nói: “Ta khi xưa là Bà la môn tên Chỉ-la-mạt (Ngã tác). Lại nói: “Này Tỳ kheo! Thấy tay Ta nắm hư không” (sở hữu tác). Đây phải chăng là không thể thấy?

Đáp: Đó không phải Ngã tác, sở hữu tác mà là Thế tục số. (giả hạnh). Nói Ngã ấm, giác là Ngã tác thì đức Thế Tôn cũng không can dự vào; nói cảnh giới thiện là sở hữu tác thì đức Thế Tôn cũng không có nói. Mà nói rằng Pháp ấn không, là thương hành quán thế gian này là rỗng không, lấy đó so sánh với cái tôi, cái Ngã sở hữu thì biết được cả ha đều không. Cho nên nói không thấy là không

Hỏi: Vô nguyện là pháp gì?

Đáp: Vô nguyện tương ứng với vô tác ở quá khứ, vị lai. Kinh nói vô nguyện, là nghĩa không lập, là không trụ ý vào quá khứ, hiện tại, vị lai, vì đó hết thảy đều là pháp hữu vi. Kinh Thuyết Xứ nói: quá khứ ... Kinh lại nói: Vô nguyện là không có giác, thân mình và Niết-bàn không có ba nghĩa này. Tại sao là một nghĩa, nhiều nghĩa? Niết-bàn bỏ thân thì không có nhân duyên, giác tương ứng thì tất cả tư duy đã diệt, Niết-

bàn tương ứng với vô tận giác, thì thân mình còn, không còn không nói. Thế nên không nói ấy là Vô nguyện.

Hỏi: Vô tướng là pháp gì?

Đáp: Là lia tất cả hành, tác và cả hai. Lia bỏ tất cả hữu vi là lia tất cả hành tác. Nói tác là hành; nói hành là tác. Như bước vào vô minh thì phước, vô phước, A-ni-xà là nhân hành tác, mà có tiến gần đến Thức phát sinh, đó là hành; còn vô minh và hành tức là tác. Bỏ tất cả hữu vi là nói Vô tướng. Như Kinh Pháp Ấn nói: Sắc, tướng không thể đạt được; ấy chính là nói tất cả hành tác và cả hai đều bỏ. Nên biết Không, Vô nguyện, Vô tướng như vừa nói, ấy là Định.

Hỏi: Trí là pháp gì?

Đáp: Là trí tương ứng với Kiến địa, phân biệt địa (Tu địa) và Vô học địa. Trí là trí giác, nghĩa là trí tuệ giác ngộ ở ba địa: Kiến, Tu và Vô học. Hiện ra tức là thấy (Kiến).

Hỏi: Cái gì hiện ra?

Đáp: Là các hành phân biệt Thánh địa, Căn, Lực, Giác báu, trước chưa từng thấy, nay luận ra. Ví như áo được giặt rất sạch, mà mùi thơm cũ của áo vẫn còn, sau đó dùng hương hoa rất thơm xông ướp. Như vậy gọi là Kiến địa. Ý tịnh, Thiền, Vô lượng, ngăn dứt cảm thọ, tăng nhân duyên lia bỏ như xông hương thơm nhất, đó là Phân biệt địa. Vô học địa là dâm nô si chấm dứt không còn nhân duyên nữa.

Hỏi: Trí của kiến địa là gì?

Đáp: Là Pháp trí, Quán trí và Vị trí trí. Nghĩa Pháp trí, Quán trí giống như người Thầy thuốc biết mụn nhọt kia non hay già mà dùng dao mổ ra. Sau đó dùng ngón tay xoa nắn huyết mạch lưu thông, không làm tổn thương gì rồi mổ mụn nhọt rộng ra. Người tu hành cũng vậy, bết hành dâm là khổ, vô thường... Hành vô thường khi đi vào Kiến địa thấy khổ liền đoạn, kiết sử liền bỏ, đều là do hai trí đoạn sao có thể chưa đoạn được! Hành như thế, phát khởi tư duy (Vị trí trí), biết cõi Sắc, Vô sắc cũng vô thường giống như cõi Dục. Như thế là kiến khổ. Biết lợi của hành dâm là cảnh giới của khổ, đó là Pháp trí. Như vậy tương tự Quán trí, vị trí trí đối với cõi Sắc, Vô sắc. Đó là ba trí của kiến Tập. Tương tự như vậy, ba trí phối với Tứ đế thành mười hai trí của kiến địa diễn rộng nên biết.

Hỏi: Phân biệt địa (Tu địa) có bao nhiêu trí?

Đáp: Tướng Trí biết về tướng, trí biết về hành và trí biết về chủng. Kinh nói: Tướng trí, hạnh trí, chủng trí, là ba trí của Phân biệt địa như đã nói ở trên.

Hỏi: Tướng là pháp nào?

Đáp: Là tướng sinh-trụ-hoại. Kinh nói: Tướng gọi là sinh, trụ, hoại. Sự sinh tương ứng với trụ, rồi lần lượt hư hoại vỡ nát.

Hỏi: Sẽ không ích lợi gì khi nói chúng sinh và Niết-bàn đều cho là có tướng (sinh, trụ, hoại). Bởi nói như vậy, thì Niết-bàn rơi vào Vô thường số, là lỗi rất lớn, nếu không như vậy thì Kinh nói sai sót lẽ ra chỉ nên nói hữu vi mới là tướng sinh, trụ, hoại? Vả lại nếu cho rằng nói như vậy là tăng công đức, thì thế nào là tướng công đức? Đáp: Nếu nói Niết-bàn là tướng Ngã, thì có khác Ngã và không khác Ngã, thật ra Niết-bàn, không thể nói (bất khả thuyết). Bởi nếu nói khác thì Niết-bàn là có thường, nếu nói không khác thì Niết-bàn là vô thường, cả hai đều có lỗi. Do đó Niết-bàn là vô tướng không thể nói. Cho nên biết nói như vậy là có ích lợi, biết đó là tướng của pháp hữu vi. Hơn nữa, nói như vậy thì tăng công đức, bởi trí biết rõ ba tướng như vậy mà tăng công đức tu hành.

Hỏi: Thế nào là hành?

Đáp: Là hành vô thường, khổ, vô ngã, kiến. Kinh nói: Hành là biết khắp về nghĩa, về tướng là hành. Biết nghĩa này là vô thường, thì biết Ấm vô thường, cho nóng khổ; nói rằng khổ cho nên sẽ tương ứng với vô ngã, đó là biết về hành. Mọi pháp vô thường không tồn tại lâu dài, như bọt nước. Khổ vậy ngắt, như là mũi nhọn đâm vào thân. Vô ngã, là do không có tự tại, như mượn thân thể để hoạt động. Đó là biết về hành.

Hỏi: Chủng là gì?

Đáp: Đó là khí vị (mùi vị ngon), tai họa và được lìa bỏ.

Hỏi: Là thuộc cái gì?

Đáp: Là hữu vi. Khí vị là nhiễm trước; tai họa là ác và được lìa bỏ là lìa bỏ nhiễm trước và ác. Dục lạc ở cõi Trời là khí vị. Địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đau khổ là tai họa. Lìa bỏ Phật và ác vừa nêu là được lìa bỏ. Chánh kiến như vậy về công đức của chúng, thì ác kiến được cởi bỏ. Đó gọi là trí biết về chủng của Phân biệt địa.

Hỏi: Thế nào là trí của Vô học địa?

Đáp: Đó là Tì-xà-trí, thần thông trí và Biệt trí (Kinh nói Tứ biện tài). Tức là Minh đạt trí, Thần thông trí và Biện trí. Ba trí này của Vô học địa.

Hỏi: Minh đạt (thấu suốt) Pháp gì?

Đáp: Là trí thấu suốt sự việc đời trước, nơi sinh và lậu tận. Kinh nói: “Tiền thế niệm trí, Sinh xứ trí và Lậu tận trí”. Vì khả năng thấu suốt hữu làm chính nên Minh đạt còn có nghĩa là Tri (biết rõ). Tiền thế

niệm trí là trí nhớ mọi sở hành của kiếp trước. Sinh xứ trí là trí nhớ hành quả đã được nhận. Lưu tận trí thì sẽ nói ở phần sau. Như ba kiết ở ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại thì quá khứ với mọi sở tác của mười tám kiến, vị lai bốn mươi bốn kiến, hiện tại thân kiến, trí đều biết rõ. Cho nên, Tiền thế niệm trí, Sinh xứ trí thấy rõ (giác) mọi hành nơi hiện tại, quá khứ, vị lai. Tiền thế niệm trí biết rõ đời trước, Sinh xứ trí biết rõ chỗ sinh đời trước, đời sau không quên.

Lại nói tiếp Vô lậu trí (Lưu tận trí) đó là Tận trí, Vô sở sanh trí và Nguyên trí. Kinh nói: Mọi kiết sử của ta đã chấm dứt hết, đó là Tận trí; sự sinh của ta không còn nữa, đó là Vô sở sanh trí (Vô snah trí). Ví như Thầy thuốc trị bệnh nhân bị rắn cắn, đã hút hết chất độc, gọi đó là Tận trí. Nọc không còn phát bệnh lại nữa thì gọi là Vô sở sanh trí. Còn Nguyên trí tức là Thanh văn nhớ lại đời trước của mình, không nghĩ đến người khác. Vì thế trí trước nguyện cho người khác, nên cũng biết được đời trước của người khác, gọi đó là nguyên trí.

Hỏi: Thần thông trí là thế nào?

Đáp: Thần thông trí là Năng lực bay lên. -Nghe thấu suốt - Biết bay xa và thần thông biết tâm ý người khác. Năng lực bay ... là nghĩa tự tại. Lực thông là ba trí nói trước cộng với năng lực bay-nghe-biết tâm ý người khác. Năng lực bay... sẽ nói ở phần sau.

Nói về nghe thấu suốt là do trước thực hành định, trong một nhân duyên nào đó rồi tăng trưởng phần đại địa ấy mà đạt được năng lực nghe. Vì thế có thể nghe tiếng Trời, Người tùy lực. Như thấy xa, thấy gần, tùy thị lực, giống như tùy định mà được như thế. Trí biết tâm ý người khác là như gặp chúng sinh nghe tiếng chúng sinh thì biết được ý nghĩa của họ.

Nói tiếp về Năng lực bay (Như ý túc) đó là ba năng lực: bay lên không tự tại biến hóa tự tại và Thánh tự tại. Bay lên hư không tự tại là có thể vào trong nước, trong đất, ẩn hiện, xuyên tường nhà núi không ngăn ngại; tay chạm mặt trời mặt Trăng. Biến hóa tự tại là biến thành xe, người, núi, cây, thành, vườn, sông, nước. Thánh tự tại là khả năng trụ giữ, khiến hóa nước thành sữa, giữa chân mây phóng ánh sáng... như thế mà so sánh những thứ khác ... Tóm lại ba loại của thần thông tín cộng với Thế niệm trí, Sinh diệt trí nói ở trên, gọi là Ngũ thông của người phàm phu.

Hỏi: Biện trí là thế nào?

Đáp: Là phương tiện biết rõ (giác) pháp, nghĩa, ứng và phân biệt. Kinh. Kinh nói: Giác pháp phương tiện, Giác nghĩa phương tiện, Ứng

phương tiện, Phân biệt phương tiện gọi là Tứ biện tài. Trong đây, Giác pháp là biết rõ về danh cú của các pháp, giác nghĩa là biết rõ nghĩa vốn có của danh cú ấy. Như biết lửa là danh (tên gọi), sự đốt nóng là nghĩa của danh ấy. Ứng với danh như vậy, hợp với sắc là nghĩa, cùng biết rõ phân biệt, không quên. Với danh như vậy, tùy thích ứng như vậy, báo quả như vậy không tà vạy, điên đảo mà biết. Các biện tài này là trí của Vô học địa.

Hỏi: Tư duy về Giới, Định trong Học, Vô lậu, vì sao không nói thành ba loại?

Đáp: Không có giới riêng tăng ích cho Học là bỏ sát sinh, chúng sinh hộ trì, mà A-la-hán thì không. Cho nên không phiền nói Học. Biết ý như thế, không cần nói nhiều, tức biết cũng có ba loại thôi.

Như vậy, trong ba pháp của Bà-tố-bạt-đà nói, hai giải thoát độ lần lượt (Cụ và Phương tiện đã nói xong).

